

Tăng tỷ trọng

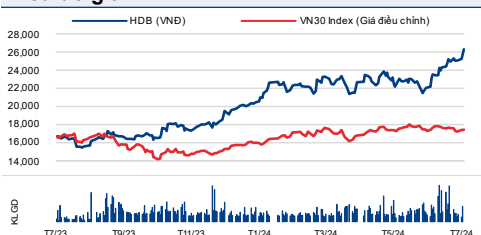
Giá mục tiêu: VNĐ27,700

Tiềm năng tăng/giảm: 5.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2024)	26,300
Mã Bloomberg	HDB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	15,464-26,300
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	25,617
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	76,600
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,030
Sig CP lưu hành (tr.đv)	2,913
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	583
Sig CP NN được mua (tr.đv)	42.8
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	20.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	18.5%
Tỷ lệ freefloat	71.4%
Cổ đông lớn	Sovico (14.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	602	689	816
Dư nợ cho vay (ntđ)	343	428	532
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	26.4	32.7	38.2
Lợi nhuận thuần (ntđ)	10.1	12.8	14.9
BVPS (đồng)	15,374	19,381	23,983
EPS (đồng)	3,482	4,412	5,155
DPS (đồng)	1,000	500	500
T.trưởng cho vay KH (%)	30.1	24.5	24.4
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	20.2	24.0	16.7
Tăng trưởng EPS (%)	30.0	26.7	16.9
Tăng trưởng DPS (%)	-	(50.0)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	28.7	11.3	9.70
ROAE (%)	24.7	25.4	23.8
ROAA (%)	1.98	1.98	1.98
Tỷ lệ NIM (%)	5.13	5.32	5.23
Tỷ lệ CIR (%)	34.6	34.2	34.0
Hệ số CAR (%)	12.4	11.7	11.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.79	1.23	2.85
LLR/nợ xấu (%)	65.8	101	45.1
Hệ số LDR (%)	92.6	100	102
P/B (lần)	1.71	1.36	1.10
P/E (lần)	7.55	5.96	5.10
Lợi suất cổ tức (%)	3.80	1.90	1.90

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HDB là một ngân hàng có sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận và giữa ngân hàng truyền thống và cho vay tiêu dùng

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính

ha.plien@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q2 tăng mạnh 51%, sát với dự báo

- HDB đã công bố KQKD Q2 tăng trưởng mạnh mẽ với LNTT đạt 4.137 tỷ đồng, tăng mạnh 51%. Từ đó, LNTT 6 tháng đầu năm 2024 đạt 8.165 tỷ đồng, bằng 49,6% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.
- Tỷ lệ nợ xấu ở mức 2,1%, giảm nhẹ so với quý trước. Tăng trưởng tín dụng vẫn mạnh mẽ đạt 13,5% kể từ đầu năm, trong khi tỷ lệ NIM tăng 23 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 106 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 5,83% nhờ chi phí huy động giảm mạnh.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 19% trong 1 tháng qua, HDB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2024 là 1,36 lần, cao hơn 17% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. HSC duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2024

HDB đã công bố KQKD Q2/2024 tích cực với LNTT hợp nhất đạt 4.137 tỷ đồng (tăng 51% so với cùng kỳ). LNTT 6 tháng đầu năm 2024 đạt 8.165 tỷ đồng (tăng 49% so với cùng kỳ), bằng 49,6% dự báo cả năm và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Những điểm chính trong KQKD hợp nhất bao gồm chất lượng tài sản cải thiện với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 2,1% (từ 2,24% tại thời điểm cuối Q1/2024), tín dụng tăng trưởng mạnh 13,5% kể từ đầu năm, trong khi tỷ lệ NIM tăng 23 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 106 điểm cơ bản so với cùng kỳ đạt 5,83%. Những yếu tố này đóng góp tích cực vào mức tăng 56% so với cùng kỳ của thu nhập lãi thuần. Tuy nhiên, lãi thuần HĐ dịch vụ sụt giảm mạnh 63% so với cùng kỳ, nằm trong dự báo của chúng tôi.

Cơ cấu lợi nhuận hợp nhất bao gồm LNTT Ngân hàng mẹ tăng mạnh 39% so với cùng kỳ và HĐ Saison chuyển biến tích cực với LNTT đạt 342 tỷ đồng (tăng 5,7 lần từ mức nền thấp trong Q2/2023).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt lợi nhuận Q2/2024 & 6 tháng đầu năm 2024, HDB

Tỷ đồng	Hợp nhất				Ngân hàng mẹ			
	Q2/24	% sv cùng kỳ	6T2024	% sv cùng kỳ	Q2/24	% sv cùng kỳ	6T2024	% sv cùng kỳ
Thu nhập lãi thuần	7,720	56%	14,880	52%	6,379	71%	12,242	66%
Thu nhập ngoài lãi	573	-61%	1,165	-49%	234	-81%	539	-69%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	225	-63%	581	-55%	(9)	-102%	128	-85%
Lãi thuần HĐKD	310	114%	485	408%	304	62%	481	160%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	(50)	-108%	(64)	-110%	(50)	-108%	(64)	-110%
Thu nhập khác	88	-27%	162	-36%	(11)	-122%	(6)	-109%
Tổng thu nhập HĐ	8,293	29%	16,045	33%	6,614	34%	12,780	40%
Chi phí HĐ	(3,030)	35%	(5,484)	31%	(2,445)	44%	(4,328)	40%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	5,263	26%	10,561	34%	4,169	28%	8,452	40%
Dự phòng	(1,126)	-21%	(2,396)	0%	(374)	-33%	(888)	5%
LNTT	4,137	51%	8,165	49%	3,795	41%	7,564	46%
Lợi nhuận thuần	3,252	49%	6,465	48%	2,978	39%	5,984	33%

Nguồn: HDB, HSC

Ngân hàng mẹ: Mạnh mẽ và vững chắc

Ngân hàng mẹ tiếp tục có một quý khả quan với LNTT Q2/2024 đạt 3.795 tỷ đồng (tăng 41% so với cùng kỳ). Từ đó, LNTT 6 tháng đầu năm 2024 đạt 7.564 tỷ đồng (tăng 46% so với cùng kỳ), bằng 48% dự báo cả năm 2024 và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

KQKD Q2/2024 chủ yếu được thúc đẩy nhờ thu nhập lãi thuần tăng mạnh 71% so với cùng kỳ, bù đắp sự sụt giảm của thu nhập ngoài lãi.

Tăng trưởng tín dụng: Tín dụng tăng mạnh 13,3% kể từ đầu năm (tăng 6,6% so với quý trước) trong Q2/2024. Xét theo phân khúc khách hàng, động lực tăng trưởng chính đến từ phân khúc DNNVV/doanh nghiệp lớn (tăng 19,4% kể từ đầu năm). Xét theo cơ cấu ngành, động lực tăng trưởng chính đến từ ngành sản xuất (tăng 20% kể từ đầu năm) và xây dựng (tăng 43,5% kể từ đầu năm).

Trong khi đó, tổng vốn huy động (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) chỉ tăng 2,2% kể từ đầu năm, trên nền cao khi tiền gửi tăng trưởng bất thường 62,2% trong năm 2023. Với việc tiền gửi tăng trưởng chậm lại, hệ số LDR điều chỉnh tăng lên 90% từ mức đáy 73% của Q3/2023. Hệ số LDR tăng lên đã góp phần giúp cải thiện tỷ lệ NIM.

Tỷ lệ NIM: Tỷ lệ NIM Q2/2024 tăng 23 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 124 điểm cơ bản so với cùng kỳ đạt 4,94%. Diễn biến tích cực của tỷ lệ NIM là nhờ chi phí huy động giảm mạnh (giảm 58 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 262 điểm cơ bản so với cùng kỳ) trong khi lợi suất gộp giảm nhẹ hơn (giảm 49 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 135 điểm cơ bản so với cùng kỳ).

Về **chất lượng tài sản**, HSC cũng nhận thấy những tín hiệu tích cực, bao gồm tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,85% từ 2% tại thời điểm cuối Q1/2024, hệ số LLR tăng nhẹ lên 61% (từ 59% tại thời điểm cuối Q1/2024). Tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng giảm xuống 4,3% sau khi đạt đỉnh 5% vào cuối năm 2023.

HD Saison: Tăng trưởng mạnh từ mức nền thấp

HSC ước tính LNTT của HD Saison đạt 342 tỷ đồng (tăng 5,7 lần so với cùng kỳ và tăng 32% so với quý trước). LNTT 6 tháng đầu năm 2024 đạt 600 tỷ đồng (tăng 92% so với cùng kỳ), bằng 60% dự báo cả năm 2024 và cao hơn một chút so với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Những điểm chính trong KQKD Q2/2024 bao gồm tăng trưởng tín dụng vừa phải 5,3% kể từ đầu năm, tỷ lệ nợ xấu ổn định ở mức 7,5% và chi phí tín dụng giảm nhẹ xuống 4,4%.

HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 19% trong 1 tháng qua, HDB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2024 là 1,36 lần, cao hơn 17% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân, nhờ KQKD mạnh mẽ và vững chắc. HSC duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	33.3	52.6	60.6	72.0	83.8
Chi phí lãi	(15.3)	(30.5)	(31.3)	(37.9)	(43.9)
Thu nhập lãi thuần	18.0	22.2	29.2	34.2	40.0
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2.96	2.19	1.64	2.09	2.49
Lãi thuần HĐ KDNH	0.13	0.56	0.70	0.78	0.87
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.33	1.21	0.55	0.55	0.55
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.01	0.01	0	0	0
Thu nhập khác	0.53	0.26	0.60	0.64	0.70
Tổng thu nhập HĐ	22.0	26.4	32.7	38.2	44.6
Chi phí HĐ	(8.63)	(9.13)	(11.2)	(13.0)	(15.0)
LN trước dự phòng	13.3	17.3	21.5	25.2	29.6
Chi phí dự phòng	(3.07)	(4.27)	(5.09)	(5.99)	(7.06)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	10.3	13.0	16.5	19.2	22.5
Chi phí thuế TNDN	(2.06)	(2.68)	(3.29)	(3.85)	(4.51)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.46)	(0.27)	(0.40)	(0.47)	(0.55)
Lợi nhuận thuần	7.75	10.1	12.8	14.9	17.5
EPS (đồng)	2,679	3,482	4,412	5,155	6,045
DPS (đồng)	-	1,000	500	500	500
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,893	2,893	2,893	2,893	2,893
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,893	2,893	2,893	2,893	2,893
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,311	3,311	3,311	3,311	3,311

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2.94	2.81	4.26	5.20	6.35
Tiền gửi tại NHNN	11.3	41.5	21.5	26.2	31.9
Tiền gửi tại các TCTD khác	49.1	96.5	102	104	104
Chứng khoán kinh doanh	1.80	18.6	20.4	22.5	24.7
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.11	0.06	0.06	0.07
Số dư cho vay thuần	261	339	422	525	653
Tổng dư nợ cho vay	264	343	428	532	662
Dự phòng rủi ro	(3.10)	(4.05)	(5.34)	(6.83)	(9.01)
Chứng khoán đầu tư	48.8	44.1	47.9	52.0	56.6
CK đầu tư sẵn sàng để bán	35.4	31.9	35.1	38.6	42.4
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	13.4	12.3	12.9	13.6	14.2
Dự phòng rủi ro	(0.03)	(0.08)	(0.09)	(0.10)	(0.11)
Đầu tư dài hạn	0.14	0.14	0.14	0.14	0.14
Tài sản cố định	1.32	1.42	1.53	1.61	1.70
Tài sản khác	40.1	57.8	68.6	78.5	89.9
Tổng tài sản	416	602	689	816	969
Nợ phải trả	377	556	631	745	882
Tiền gửi của NHNN	10.8	0.03	0.03	0.03	0.03
Tiền gửi của các TCTD khác	92.7	112	124	134	145
Tổng tiền gửi KH	216	371	426	520	635
Trái phiếu và CCTG	44.2	50.9	56.3	62.3	68.9
Nợ khác	13.6	22.1	24.3	28.1	33.6
Vốn chủ sở hữu	37.0	44.5	56.1	69.4	85.3
Vốn điều lệ	25.3	29.1	29.1	29.1	29.1
Thặng dư vốn cổ phần	0.54	0.54	0.54	0.54	0.54
Lợi nhuận giữ lại	8.00	10.6	20.7	31.8	45.2
Quỹ & vốn khác của CSH	3.53	4.71	6.20	8.36	10.9
Lợi ích cổ đông thiểu số	2.04	1.93	1.98	2.10	2.31
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	416	602	689	816	969
BVPS (đồng)	12,775	15,374	19,381	23,983	29,489

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	11.1	44.7	14.4	18.4	18.8
Tăng trưởng cho vay KH (%)	29.8	30.1	24.5	24.4	24.5
Tăng trưởng huy động KH (%)	17.7	71.8	15.0	22.0	22.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	15.0	62.2	14.5	20.7	20.8
Tăng trưởng VCSH (%)	27.3	20.3	26.1	23.7	23.0
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	29.7	23.2	31.9	16.8	17.0
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	35.2	5.78	22.7	16.1	15.0
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	28.5	29.6	24.6	17.0	17.4
Tăng trưởng LNTT (%)	27.2	26.8	26.4	16.8	17.3
Tăng trưởng LN thuần (%)	28.0	30.0	26.7	16.9	17.3
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.56	5.19	5.07	5.08	4.99
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.18)	(1.79)	(1.73)	(1.73)	(1.68)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	88.3	84.9	85.2	86.9	87.2
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.35	1.52	1.80	2.00	2.22
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	22.5	28.5	35.2	40.0	45.7
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	9.82	7.55	5.96	5.10	4.35
P/B (lần)	2.06	1.71	1.36	1.10	0.89
Lợi suất cổ tức (%)	-	3.80	1.90	1.90	1.90
Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác					
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	35.3	38.1	39.0	39.0	39.2
ROAA (%)	1.96	1.98	1.98	1.98	1.96
ROAE (%)	23.5	24.7	25.4	23.8	22.6
Chi phí huy động BQ (%)	4.39	6.79	5.49	5.72	5.61
Lợi suất góp BQ (%)	9.55	12.2	11.0	11.0	10.8
Lợi suất thuần (%)	5.15	5.38	5.52	5.29	5.16
Tỷ lệ NIM (%)	5.16	5.13	5.32	5.23	5.13
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	13.5	8.28	5.02	5.46	5.59
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	82.0	84.0	89.3	89.4	89.7
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	18.0	16.0	10.7	10.6	10.3
Tỷ lệ CIR (%)	39.3	34.6	34.2	34.0	33.6
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	28.7	11.3	9.70	8.27
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	13.4	12.4	11.7	11.3	11.0
VCSH/Tổng TS (%)	8.88	7.38	8.13	8.50	8.80
Đòn bẩy vốn (lần)	11.3	13.5	12.3	11.8	11.4
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.67	1.79	1.23	2.85	2.79
Hệ số LLR (%)	70.4	65.8	101	45.1	48.7
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	122	92.6	100	102	104
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	26.3	21.0	20.4	18.7	17.0
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	63.4	57.0	62.1	65.2	68.3
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	345	353	363	373	383
Số lượng nhân viên	16,326	17,345	18,212	19,123	20,079

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn